

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24/4/2023

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Nam;
Ông Huỳnh Văn Đương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đây - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh:
Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2023/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khóm Mỹ C, thị trấn Cầu Ng, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

- Bị đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khóm Mỹ C, thị trấn Cầu Ng, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Trần Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2000 anh và chị Lê Thị D, được sự mai mối của hai bên gia đình nên tiến tới hôn nhân, có tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới anh và chị Diễm mới đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cầu Ng, huyện Cầu Ngang. Quá trình chung sống, do vợ thường xuyên liên lạc với người đàn ông khác, khi anh phát hiện thì anh có khuyên vợ nhưng vợ cự cãi và lớn tiếng với anh nên anh không nói nữa. Đến tháng 10/2022 thì vợ chồng anh sống ly thân, không liên lạc. Nên từ đó anh mới làm đơn xin ly hôn. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Lê Thị D.

- Về con chung tên: Trần Văn D, sinh ngày 24/5/2003 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh không tranh chấp, không khởi kiện.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Anh không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải chị Lê Thị D trình bày:
Về hôn nhân quá trình xác lập quan hệ hôn nhân anh D trình bày là đúng. Quá trình chung sống, đến tháng 10/2022 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh D nghe lời người khác nên thường xuyên ghen tuông và nghi ngờ chị có người đàn ông khác bên ngoài nên giữa vợ chồng xảy ra cự cãi và đã ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay, không liên lạc. Nay anh D ly hôn thì chị không đồng ý ly hôn, vì còn thương chồng và vì con.

- Về con chung tên: Trần Văn D, sinh ngày 24/5/2003 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả của vợ chồng: Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều được tổng đạt đầy đủ cho các đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh D được ly hôn với chị Lê Thị D. Về con chung tên Trần Văn D, sinh ngày 24/5/2003 đã thành niên, anh D và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả của vợ chồng anh D và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Trần Văn D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Phần kiến nghị: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Anh Trần Văn D khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Lê Thị D, địa chỉ: Khóm Mỹ C, thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

[2] *Về hôn nhân:* Vào năm 2000 anh D và chị D xác lập hôn nhân, sau khi cưới anh D và chị D cùng đến Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh để đăng ký kết hôn theo quy định. Từ đó xác định hôn nhân giữa anh D và chị D là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh D trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh là do vợ thường xuyên liên lạc với người đàn ông khác, khi anh phát hiện thì anh có khuyên chị D nhưng chị D cự cãi và lớn tiếng với anh nên anh không nói nữa. Đến tháng 10/2022 thì vợ chồng anh sống ly thân, không liên lạc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh cương quyết ly hôn với chị D.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị D trình bày: Quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên cự cãi, nguyên nhân là do anh D nghe lời người khác nên thường xuyên ghen tuông và nghi ngờ chị có người đàn ông khác bên ngoài nên giữa vợ chồng xảy ra cự cãi và đã ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay, không liên lạc. Nay anh D yêu cầu ly hôn thì chị không đồng ý ly hôn, vì còn thương chồng và vì con.

Xét thấy trong quá trình chung sống, giữa anh D và chị D có xảy ra cự cãi về lối sống nên vợ chồng anh, chị đã sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay, không liên lạc. Tại phiên tòa hôm nay, anh D xác định anh không còn tình cảm với chị D, anh cương quyết xin ly hôn với chị D. Từ đó xét thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh D, về hôn nhân xử cho anh D được ly hôn với chị D.

[3] *Về con chung tên:* Trần Văn D, sinh ngày 24/5/2003 đã thành niên, anh D và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] *Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả của vợ chồng:* Anh D và chị D không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Trần Văn D phải chịu án phí theo quy định.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Văn D.

- *Về hôn nhân:* Xử cho anh Trần Văn D được ly hôn với chị Lê Thị D.

- *Về con chung tên:* Trần Văn D, sinh ngày 24/5/2003 đã thành niên, anh D và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

- *Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả của vợ chồng:* Anh D và chị D không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc anh Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0015650, ngày 02 tháng 3 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Anh D đã nộp đủ án phí.

6. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà

